

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 01-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Trần Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T1, sinh năm 1982 (có mặt).

ĐKKHKT: Ấp 9, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến gần đây thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T2 không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình và vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời nhậu nhẹt. Vợ

chồng không có sự quan tâm chia sẻ, nhường nhịn và tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gay gắt nên thường xảy ra giận dỗi, cự cãi, thậm chí dẫn đến xô xát. Gia đình hai bên đã có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị không còn tình cảm với anh T2, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Yến Phượng sinh ngày 30/11/2008 và Nguyễn Gia Thịnh sinh ngày 03/5/2011. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến Phượng, chồng chị nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia Thịnh. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T2 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thịnh và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phượng, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn T2 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Nguyễn Kim T1 và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không thể hiện ý kiến của mình nên đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn, giao cháu Phượng cho chị T1 nuôi dưỡng, giao cháu Thịnh cho anh T2 nuôi dưỡng, không đặt ra xem xét vấn đề cấp dưỡng do mỗi người đều nuôi 01 người con nên nghĩa vụ như nhau, về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Kim T1 và anh Nguyễn Văn T2 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K2, huyện U Minh Cà Mau vào ngày 15/02/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kim T1, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2 vì đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn gay gắt, không thể chung sống với nhau được nữa, hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân. Đối với anh T2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng anh T2 đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T1. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc xin ly hôn với anh T2.

Về nuôi con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Yên Phương (giới tính: nữ) sinh ngày 30/11/2008 đang sống cùng chị T1 và cháu Nguyễn Gia Thịnh (giới tính: nam) sinh ngày 03/5/2011 đang sống cùng anh T2. Tại biên bản ngày 05/9/2019, cháu Phương có nguyện vọng tiếp tục sống cùng với chị T1, tại biên bản ngày 11/9/2019, cháu Thịnh có nguyện vọng tiếp tục sống cùng với anh T2. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Yên Phương cho chị T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Gia Thịnh cho anh T2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng, đồng thời mỗi người đều nuôi một người con nên nghĩa vụ nuôi dưỡng như nhau, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với anh T2 không có văn bản thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim T1 ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến Phương (giới tính: nữ) sinh ngày 30/11/2008 cho chị Nguyễn Kim T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Gia Thịnh (giới tính: nam) sinh ngày 03/5/2011 cho anh Nguyễn Văn T2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Kim T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Nguyễn Kim T1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004498 ngày 18/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K2, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý